

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26-9-2018

“V/v ly hôn giữa chị A và anh B”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phi Thường.

2. Bà Cù Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2018/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc A; sinh năm: 1994.

ĐKHKTT tại: Thôn Đ, xã Đ1, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi tạm trú: Số nhà 19/83, đường K, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Anh Vũ Hồng B; sinh năm: 1992.

ĐKHKTT và cư trú tại: Thôn Đ, xã Đ1, huyện V, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa có mặt chị A và anh B).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 09-7-2018; bản tự khai ngày 12-7-2018 và trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Qua sự tìm hiểu chị và anh Vũ Hồng B đã tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 09-10-2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện V, tỉnh Nam Định. Sau kết hôn chị và anh B sinh sống tại thôn Đ, xã Đ1 và vợ, chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do vợ, chồng tính

tình không hợp nhau và do anh B không tu trí làm ăn để chăm lo kinh tế cho gia đình và phụ giúp chị nuôi con. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh B không thay đổi, bản thân chị phải một mình lao động vất vả để nuôi con. Từ đó dẫn đến trong cuộc sống thường ngày giữa chị và anh B hay xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Do cuộc sống chung của vợ chồng quá mệt mỏi, bản thân chị không thể chịu đựng được nữa nên tháng 11-2015 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của mình ở thành phố N để sinh sống, khi bỏ đi chị đưa cả con thứ hai đi cùng. Giữa chị và anh B đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng với nhau từ đó cho đến nay. Chị A xác định tình cảm vợ, chồng giữa chị và anh B không còn, mâu thuẫn của vợ, chồng chị đã kéo và trầm trọng, chị và anh B không thể đoàn tụ với nhau được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

- Về con chung và nuôi con chung: Chị và anh B có 02 con chung là cháu Vũ Ngọc X; sinh ngày 11-11-2013 và cháu Vũ Thị Ngọc Y; sinh ngày 15-10-2015; hiện cháu Thuận đang trực tiếp ở cùng với anh B, còn cháu Y đang trực tiếp ở cùng với chị từ khi vợ, chồng chị sống ly thân với nhau cho đến nay nên ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Y và để anh B tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Vũ Ngọc X. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan: Chị A xác định vợ, chồng chị không có và không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 31-8-2018; biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Vũ Hồng B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh B trình bày về điều kiện kết hôn; thời gian kết hôn; thời gian vợ, chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau và thời gian vợ, chồng sống ly thân với nhau đúng như chị A đã trình bày nêu trên. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ, chồng anh B trình bày là do tính tình vợ, chồng không hợp nhau và do chị A không chịu đi làm để có thu nhập cho gia đình, nhưng chị A lại đem tiền của gia đình về cho mẹ đẻ của chị A. Ngoài ra còn do chị A và mẹ đẻ của anh có những bất đồng với nhau nên vợ, chồng mới xảy ra xô xát với nhau. Tháng 11-2015 chị A bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ấy để sinh sống cho đến nay, khi bỏ nhà đi chị A đã tự ý đưa cả chị Tuyết đi cùng. Anh và chị A đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng với nhau từ tháng 11-2015 cho đến nay. Chị A xin ly hôn với anh, anh xác định tình cảm của vợ, chồng không còn với nhau và mâu thuẫn của vợ, chồng anh đã trầm trọng nên anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung và nuôi con chung: Anh và chị A có 02 con chung là cháu Vũ Ngọc X; sinh ngày 11-11-2013 và cháu Vũ Thị Ngọc Y; sinh ngày 15-10-2015. Anh là người trực tiếp nuôi cháu Vũ Ngọc X, còn chị A là người trực tiếp nuôi cháu Y từ khi vợ, chồng anh sống ly thân với nhau cho đến nay. Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh. Anh không đồng ý để cho chị A trực tiếp nuôi 01 trong 02 con chung của vợ, chồng, vì lý do chị A không có công việc làm và thu nhập ổn định, cũng như tương lai thì chị A sẽ đi xây dựng gia đình với người khác nên con của anh sẽ khổ.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan: Anh xác định vợ, chồng anh không có và không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 31-8-2018: Đại diện Ủy ban nhân dân xã Đ1 cung cấp như sau: Chị A và anh B kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ1 vào ngày 09-10-2013. Sau kết hôn anh B, chị A sinh sống tại thôn Đ, xã Đ1 và chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình giữa chị A và anh B không hợp nhau và do mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình nên chị A và anh B hay xảy ra xô xát với nhau. Cuối năm 2015 chị A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của mình ở Thành phố N để sinh sống, từ thời điểm đó cho đến nay không thấy chị A trở về nhà anh B sinh sống lần nào. Chị A và anh B có 02 con chung là cháu Vũ Ngọc X; sinh ngày 11-11-2013 và cháu Vũ Thị Ngọc Y; sinh ngày 15-10-2015. Hiện nay cháu Vũ Ngọc X đang trực tiếp ở cùng với anh B tại thôn Đ, xã Đ1, còn cháu Y đang trực tiếp ở cùng với chị A ở ngoài thành phố N và các cháu đang sinh sống ổn định cùng với bố hoặc mẹ nên nếu như chị A và anh B ly hôn với nhau thì đề nghị Tòa án giao cho mỗi người trực tiếp nuôi 01 cháu như hiện tại là phù hợp. Chị A và anh B không có tài sản chung, công nợ chung gì tại địa bàn xã Đ1. Hiện nay anh B đang là công nhân lái xe nâng tại Công ty gạch ngói Vạn Xuân đóng trên địa bàn xã Đ1, có mức thu nhập từ 9.000.000đ - 10.000.000đ/tháng.

* Tại đơn xác nhận lương ngày 11-7-2018, chị Nguyễn Thị Bích Vân là chủ cửa hàng Trà Xanh; ở địa chỉ: số 396 đường K, phường L, thành phố N xác nhận chị Trần Thị Ngọc A là lao động làm việc lâu dài tại cửa hàng, với mức lương là: 6.000.000đ/tháng.

* Tại giấy xác nhận đang công tác tại công ty ngày 31-8-2018, Công ty cổ phần gạch ngói Vạn Xuân xác nhận anh Vũ Hồng B hiện là công nhân lái xe nâng của Công ty, với mức lương là 9.500.000đ/tháng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của các đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc A cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Ngọc A và anh Vũ Hồng B.

+ Về nuôi con chung: Giao cháu Vũ Thị Ngọc Y; sinh ngày 15-10-2015 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Y thành niên, có khả năng lao động tự lập được và giao cháu Vũ Ngọc X; sinh ngày 11-11-2013 cho anh B trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho

đến khi cháu Thuận thành niên, có khả năng lao động tự lập được. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

+ Về tài sản và các vấn đề khác có liên quan: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí ly hôn: Buộc chị A phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc A và anh Vũ Hồng B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ1, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 09-10-2013. Như vậy hôn nhân của chị A và anh B là hợp pháp, đã thỏa mãn đầy đủ các điều kiện về kết hôn theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được pháp luật bảo vệ.

[2]. Về tình trạng của hôn nhân: Sau kết hôn chị A và anh B đã có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do chị A và anh B tính tình không hợp nhau và mâu thuẫn với nhau về kinh tế của gia đình dẫn đến trong cuộc sống chung thường ngày giữa chị A và anh B hay xảy ra xô xát, cãi, chửi nhau. Do mâu thuẫn của vợ, chồng xảy ra ngày càng trầm trọng nên tháng 11-2015 chị A đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ của mình để ở và vợ, chồng đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm với nhau từ đó cho đến nay. Như vậy trong thời gian chung sống với nhau chị A và anh B đã không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng; vợ, chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và không gìn giữ, bảo vệ hạnh phúc gia đình nên đã dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, điều này là trái với những quy định tại các Điều 19, 21 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay chị A xin ly hôn với anh B, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị A và anh B đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và anh B cũng nhất trí ly hôn. Do đó, sẽ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A và xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Ngọc A và anh Vũ Hồng B là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Xác định chị A và anh B có 02 con chung là cháu Vũ Ngọc X; sinh ngày 11-11-2013 và cháu Vũ Thị Ngọc Y; sinh ngày 15-10-2015. Hiện cháu Y đang trực tiếp ở với chị A, còn cháu Vũ Ngọc X đang trực tiếp ở với anh B. Ly hôn chị A có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Y, còn anh B tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Vũ Ngọc X, nhưng phía anh B không nhất trí với nguyện vọng này của chị A, mà xin được trực tiếp nuôi cả 02 cháu.

Hội đồng xét xử xét thấy cháu Y còn nhỏ, đến nay chưa đủ 36 tháng tuổi và cháu đã trực tiếp ở với chị A ổn định từ nhiều năm nay và hiện nay chị A và anh B đều có sức khỏe và đều có công việc làm ổn định, thu nhập ổn định nên chị A và anh B đều có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Do đó, yêu cầu xin được nuôi cả 02 con chung của anh B sẽ không được chấp nhận mà nên giao cho chị A tiếp tục

trực tiếp nuôi cháu Y, còn anh B tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Vũ Ngọc X là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản và các vấn đề khác có liên quan: Các đương sự xác định không có và không có yêu cầu, đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị A là nguyên đơn nên buộc chị A phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 14 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Ngọc A và anh Vũ Hồng B.

2. Về nuôi con chung:

- Giao cháu Vũ Thị Ngọc Y; sinh ngày 15-10-2015 cho chị Trần Thị Ngọc A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Y thành niên, có khả năng lao động tự lập được hoặc cho đến khi chị A và anh B có yêu cầu khác.

- Giao cháu Vũ Ngọc X; sinh ngày 11-11-2013 cho anh Vũ Hồng B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Vũ Ngọc X thành niên, có khả năng lao động tự lập được hoặc cho đến khi anh B và chị A có yêu cầu khác.

- Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

(Hiện cháu Y đang trực tiếp ở với chị A; cháu Vũ Ngọc X đang trực tiếp ở với anh B).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị A đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BB/2012/09816 ngày 11-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Ngọc A và anh Vũ Hồng B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã Đ1;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP Tòa án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vũ Văn Quân